

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔ HÌNH LIÊN KẾT THEO NHÓM HỘ TRỒNG RỪNG TẠI VIỆT NAM

Hoàng Liên Sơn, Phạm Thị Luyện, Nguyễn Gia Kiên

*Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp*

## TÓM TẮT

Mô hình liên kết theo nhóm hộ trồng rừng được điều tra tại các tỉnh Phú Thọ, Quảng Trị, Quảng Nam và Bình Định. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mô hình liên kết theo nhóm hộ trồng rừng là khá đa dạng, với các cấp độ khác nhau từ đơn giản, lỏng lẻo, như mô hình liên kết tại Phú Thọ, đến cấp độ cao hơn và chặt chẽ hơn như mô hình liên kết nhóm hộ trồng rừng FSC tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam và Bình Định. Kết quả phân tích, đánh giá các nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến mô hình liên kết theo nhóm hộ trồng rừng đã chỉ ra rằng, để các nhóm hộ này có thể tồn tại và phát triển được, trước hết cần có hệ thống chính sách đồng bộ, sự quan tâm và vào cuộc của chính quyền địa phương, của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước để định hướng cho sự phát triển của nhóm hộ phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Đồng thời, bản thân nội lực của nhóm hộ phải biết vươn lên. Đây chính là sự nhận thức của cá nhân HGD về lợi ích của nhóm hộ trồng rừng để xây dựng được mối liên kết chặt chẽ trong nhóm hộ thông qua những ràng buộc chặt chẽ (quy chế của nhóm); đóng quỹ duy trì hoạt động của nhóm, tổ chức quản lý trong nhóm hiệu quả.

**Từ khóa:** Mô hình liên kết, nhóm hộ trồng rừng, yếu tố ảnh hưởng

## **Affecting factors and solutions to complete the partnership model of the household groups in tree planting of Vietnam**

Partnership model based on household group in tree planting was surveyed in Phu Tho, Quang Tri, Quang Nam and Binh Dinh. The research results show that the model is quite diversified, with different association levels ranging from simple, loose as the model in Phu Tho to the higher level and stricter performance of the FSC partnership model in Quang Tri, Quang Nam and Binh Dinh. The results of the analysis and assessment of internal and external factors is affecting the model. It has shown that these household groups could be formed and developed by supporting of the system of policy, the interest and the participation of local authorities and social organizations at local and international level to orient the development of household groups in accordance with the requirements of reality. At the same time, the internal strength of the household group itself must be very important to raise awareness of the household on the benefits of the partnership model to build strong linkages within the household groups through strong rules; fund raising to maintain the activities of the model and organize in effective way of the partnership model.

**Keywords:** Factors, household group, partnership model

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Kể từ khi Ban chấp hành Trung ương ra Nghị quyết số 05 (Khóa IX) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế tập thể cũng như Nghị định số 151/2007/ ND-CP về tổ hợp tác thì khu vực kinh tế hợp tác nói chung và các hình thức tổ hợp tác nói riêng đã có sự phát triển nhanh hơn so với trước đó. Ở nhiều vùng nông thôn, tổ hợp tác đã phát triển nhanh về số lượng và thể hiện vai trò tích cực của mình đối với kinh tế hộ trong sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ NN&PTNT, hiện cả nước có 136.097 tổ hợp tác, trong đó 3.600 là tổ, đội thủy sản đánh bắt xa bờ, 8.341 tổ thủy lợi, trên 100.000 tổ hợp tác trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp... Các tổ hợp tác phân bố tập trung ở các vùng như Đồng bằng sông Cửu Long khoảng 60%, miền núi phía Bắc trên 15% và Đồng bằng sông Hồng là gần 10%, các vùng còn lại khoảng 15%. Nhìn chung, các tổ hợp tác hoạt động đúng Luật, tạo sự liên kết hợp tác sản xuất trong nông nghiệp, một số tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, được bà con nông dân tin nhiệm. Tuy vậy, so với nhu cầu liên kết các hộ nông dân để sản xuất hàng hóa quy mô lớn thì các tổ hợp tác hiện nay vẫn chưa đáp ứng được và còn nhiều địa phương (huyện, xã) vẫn chưa có tổ hợp tác (Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, 2009).

Nhóm hộ là một trong những loại hình tổ hợp tác rất phổ biến. Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp là một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm trong Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp. Bên cạnh đó, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gỗ là một yêu cầu quan trọng cho các doanh nghiệp chế biến khi muốn tham gia vào các thị trường lớn, lợi nhuận cao. Chính vì vậy, nhóm hộ trồng rừng là mắt xích đầu tiên và quan trọng trong chuỗi giá trị gỗ rừng trồng để đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắc nghiệt do thị

trường đặt ra. Xây dựng các liên kết ngang trong khâu trồng rừng là tiền đề và cơ sở để xây dựng các liên kết dọc theo chuỗi giá trị.

Hiện nay, với sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của một số tổ chức thông qua các dự án (WWF, WB3...), các nhóm hộ trồng rừng đã được thành lập ở nhiều nơi, trong đó có các tỉnh thuộc phạm vi nghiên cứu (Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định). Các nhóm hộ này bước đầu đã đạt được những hiệu quả nhất định, nhưng vẫn còn tồn tại một số khó khăn trong việc duy trì và phát triển. Bên cạnh đó, các văn bản chính sách hiện hành chưa đề cập đến hình thức nhóm hộ. Việc tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành và vận hành nhóm hộ sẽ đưa ra được những giải pháp phát triển mô hình này cũng như xây dựng và hoàn thiện khung chính sách cho việc vận hành và phát triển nhóm hộ trồng rừng tại Việt Nam.

**II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**2.1.1. Đối nghiên cứu**

- Các văn bản pháp luật liên quan đến nhóm hộ trồng rừng/tổ hợp tác.
- Các quan hệ kinh tế và tổ chức trong các nhóm hộ trồng rừng.
- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức đoàn thể có liên quan đến nhóm hộ trồng rừng.

**2.1.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Địa điểm nghiên cứu tại Phú Thọ, Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định.
- Về thời gian: Kết quả điều tra đánh giá năm 2016.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu**

- Điều tra trực tiếp qua bảng hỏi các hộ gia đình (HGD) tham gia nhóm hộ trồng rừng

*đang hoạt động tại một số địa phương*: Nhóm nghiên cứu đã chọn 04 tỉnh đại diện, mỗi tỉnh điều tra 30 HGD tham gia nhóm hộ. Như vậy, tổng số HGD đã điều tra là 120 hộ.

- Phòng vấn các đối tượng có liên quan gồm: cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã,... thông qua bảng câu hỏi định tính. Mỗi tỉnh điều tra 5 cán bộ chuyên trách về kinh tế hợp tác.

### 2.2.2. Phương pháp xử lý số liệu

#### a) Phương pháp phân tích định tính

- Đối với đối tượng tham gia nhóm hộ: Dựa trên kết quả phỏng vấn sâu các HGD tham gia nhóm hộ để phân tích những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động và những suy nghĩ, dự kiến về phát triển nhóm hộ trong tương lai.

- Đối với các đối tượng liên quan, gồm: *cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã, thôn, trưởng các tổ phụ nữ, hội nông dân...* dựa trên kết quả phỏng vấn sâu để xem xét thực tế triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước về nhóm hộ/tổ hợp tác đã được ban hành tại địa phương. Cùng với họ đánh giá tình hình phát triển nhóm hộ ở địa phương và rút ra những nhận xét về những yếu tố tích cực, hạn chế và nguyên nhân của chúng.

#### b) Phương pháp phân tích định lượng

- Sử dụng phương pháp tính bình quân, tỷ trọng để xác định diện tích đất bình quân, cơ cấu đất đai, số lao động bình quân; tỷ trọng ý kiến đánh giá về các nhân tố ảnh hưởng...

### 2.2.3. Phương pháp kế thừa

Bài báo kế thừa các nghiên cứu về tổ hợp tác/nhóm hộ và các nguồn số liệu đã công bố có liên quan.

### 2.2.4. Phương pháp chuyên gia

- Tham vấn ý kiến các chuyên gia để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình liên kết và

những giải pháp nhằm duy trì và phát triển các mô hình liên kết này.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thực trạng các mô hình liên kết theo nhóm hộ trồng rừng

#### 3.1.1. Đặc điểm của các hộ gia đình tham gia nhóm hộ trồng rừng

Có thể phân loại các nhóm hộ theo 2 mục đích liên kết: (1) Nhóm hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC; và (2) Nhóm hộ trồng rừng không có chứng chỉ FSC. Một số đặc điểm của các HGD tham gia nhóm hộ được thể hiện trong bảng 1.

- Các HGD có diện tích đất lâm nghiệp bình quân khá lớn, dao động từ 4 - 8ha và chiếm tới trên 80% trong tổng diện tích đất đai của hộ. Phần lớn diện tích đất lâm nghiệp đã được các HGD đưa vào liên kết. Diện tích đất lâm nghiệp lớn là một trong những điều kiện thuận lợi để các HGD phát triển kinh tế lâm nghiệp.

- Với các thành viên tham gia nhóm hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC, 100% diện tích đất lâm nghiệp tham gia đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Được nhận hỗ trợ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một trong những lý do chính khi quyết định tham gia nhóm hộ của dự án WB3 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Bình Định.

- Nguồn thu nhập từ lâm nghiệp còn khá khiêm tốn, chiếm một tỷ trọng khá nhỏ trong tổng nguồn thu nhập của HGD, bình quân chỉ khoảng 10 - 20 triệu/năm.

- Có sự khác nhau giữa các nhóm hộ trồng rừng về nguồn gốc giống và kỹ thuật trồng rừng: Những HGD tham gia nhóm hộ tại Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định phải đáp ứng yêu cầu bắt buộc về nguồn gốc cây giống cho trồng rừng. Theo đó, cây giống phải được mua ở những cơ sở được cấp phép và có hóa đơn mua bán rõ ràng. Bên cạnh đó, các thành viên tham gia nhóm hộ được tham gia tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng bền

vững; Kỹ năng xây dựng và quản lý nhóm; và Được hỗ trợ chi phí dịch vụ đánh giá và cấp chứng chỉ rừng FSC. Ngược lại, các HGĐ tại Phú Thọ không có yêu cầu cụ thể về nguồn gốc cây giống, chủ yếu các hộ thành viên mua

từ các vườn ươm tự do, không đảm bảo về nguồn gốc; không có chứng chỉ rừng FSC và không được tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

**Bảng 1.** Đặc điểm của các HGĐ tham gia nhóm hộ trồng rừng

Một số chỉ tiêu	Phú Thọ	Quảng Nam	Bình Định	Quảng Trị
Tổng diện tích đất bình quân	4,26 ha	8,71 ha	4,82 ha	5,07 ha
Diện tích đất lâm nghiệp bình quân	3,69 ha	8,00 ha	3,91 ha	4,08 ha
<i>Tỷ trọng đất lâm nghiệp</i>	86,62%	91,85%	81,12%	80,47%
Quyền sử dụng đất	Có sổ đỏ	Có sổ đỏ	Có sổ đỏ	Có sổ đỏ
Diện tích đất lâm nghiệp liên kết	3,26 ha	7,38 ha	3,29 ha	2,57 ha
Lao động bình quân	2,30 người	2,63 người	2,10 người	2,54 người
Tổng Thu nhập bình quân (Triệu đồng/năm)	165,26	83,08	146,03	127,06
Thu nhập lâm nghiệp bình quân (Triệu đồng/năm)	11,37	24,12	19,68	23,60
<i>Tỷ trọng thu nhập lâm nghiệp</i>	6,88%	29,03%	13,48%	18,57%
Loài cây	Keo tai tượng	Keo lai, Keo tai tượng	Keo lai, Bạch đàn	Keo lai, Keo tai tượng
Nguồn gốc cây giống	Không rõ tên giống, mua tự do		Cây giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đăng ký địa chỉ mua với trường nhóm CCR cấp xã	
Mật độ cây	1300 - 1500 cây/ha	1660; 2000 cây/ha	1660; 2000; 2200 cây/ha	1660 cây/ha
Chu kỳ kinh doanh	7 - 10 năm	5 - 7 năm	7 năm	8 - 10 năm
Phương thức trồng	Thuần loài	Thuần loài	Thuần loài	Thuần loài
Chứng chỉ FSC	Không	Có	Có	Có
Kỹ thuật trồng rừng	Tự trồng, không theo quy định, thiết kế		Tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, khai thác và chăm sóc rừng theo tiêu chuẩn FSC,... do dự án tổ chức	
Phương thức bán rừng	Bán cây đứng	60% bán cây đứng	70% bán cây đứng	Thuê khai thác, bán trực tiếp cho cơ sở chế biến
Dòng sản phẩm chính	Gỗ xẻ	Gỗ nguyên liệu Dăm	Gỗ xẻ	Gỗ xẻ
Dòng sản phẩm phụ	Gỗ nguyên liệu giấy	Gỗ xẻ	Gỗ nguyên liệu Dăm	Gỗ nguyên liệu Dăm

(Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát, 2016)

**3.1.2. Cơ chế hình thành và vận hành liên kết trong nhóm hộ trồng rừng**

Các mô hình liên kết theo nhóm hộ khá đa dạng với các cấp độ khác nhau. Có mô hình

liên kết rất đơn giản như mô hình liên kết nhóm hộ tại Phú Thọ. Trong mô hình này, các HGĐ liên kết với nhau không có hợp đồng hay văn bản, quy chế được chứng thực mà chỉ là

thỏa thuận qua trao đổi trong nhóm hộ. Cơ sở để hình thành lên nhóm hộ này là dựa trên chính sách giao đất giao rừng cho các HGĐ từ những năm 1990. Theo đó, một số HGĐ do thiếu về nguồn nhân lực trồng rừng đã cùng nhau nhận chung một quả đồi, lô rừng, khoảnh rừng để cùng giúp đỡ nhau sản xuất. Chính vì vậy, để thuận tiện cho việc quản lý và chia sẻ trách nhiệm, những người tham gia trong nhóm hộ này thường là anh em trong một gia đình hoặc những người trong cùng một xóm. Tuy không có văn bản thỏa thuận pháp lý rõ ràng nhưng những người tham gia trong nhóm hộ đều tự nguyện và tuân thủ thực hiện. Thông qua liên kết trong nhóm hộ, các hộ sẽ được nhận được nhiều lợi ích như giảm được chi phí trong trồng rừng, khai thác rừng, tăng tính gắn kết trong cộng đồng của các HGĐ tham gia.

Ngược lại, mô hình liên kết theo nhóm hộ FSC có sự gắn kết chặt chẽ hơn với các cấp độ khác

nhau. Ở cấp độ trung bình: có quy chế, có quỹ hoạt động nhưng không có quỹ dự phòng, hoạt động của các nhóm còn riêng lẻ như nhóm hộ FSC ở Quảng Nam và Bình Định. Sự gắn kết đạt ở cấp độ cao: có quy chế, có quỹ hoạt động, thành lập Hội gồm nhiều nhóm, nhiều chi hội với số lượng hộ tham gia lớn như nhóm hộ tại Quảng Trị. Các HGĐ tham gia nhóm hộ trồng rừng FSC phải tuân thủ các quy định của nhóm, trồng rừng theo đúng kỹ thuật quản lý rừng bền vững. Lợi ích mà các HGĐ nhận được từ hoạt động liên kết này rất lớn: được vay vốn với lãi suất thấp, được tập huấn kỹ thuật, được hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng và đặc biệt là giá gỗ thu mua cao hơn so với giá gỗ không FSC cùng thời điểm... Đây cũng chính là những động lực thu hút các HGĐ tham gia nhóm hộ. Cơ chế vận hành các nhóm hộ được thể hiện chi tiết trong bảng 2.

**Bảng 2.** Cơ chế hình thành và vận hành mô hình liên kết nhóm hộ trồng rừng

Chi tiêu	Nhóm hộ trồng rừng không FSC	Nhóm hộ trồng rừng FSC	
		Dự án WB3	WWF
	Phú Thọ	Quảng Nam, Bình Định	Quảng Trị
Phương thức liên kết	Không có hợp đồng hay văn bản, quy chế; Chỉ là thỏa thuận miệng	Thành lập các nhóm hộ cấp thôn/xã được quản lý và điều phối bởi BQL dự án cấp tỉnh; Quy chế hoạt động, Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ được UBND xã phê duyệt và ban hành	Thành lập Hội cấp tỉnh gồm nhiều Chi hội cấp xã/huyện. Quy chế hoạt động và Quy chế sử dụng quỹ do UBND tỉnh phê duyệt ban hành
Điều kiện tham gia liên kết	Cùng chung một lô, khoảnh rừng. Cùng chung sổ đỏ. Có thể là anh em trong một gia đình hoặc người trong xóm.	Diện tích rừng tối thiểu là 0,5ha, khi tham gia được hỗ trợ thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất; Tham gia trên tinh thần tự nguyện; Phải thực hiện và chứng minh có khả năng duy trì quản lý rừng trồng đáp ứng yêu cầu của chứng chỉ nhóm và tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng; Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí FSC; Cam kết quản lý rừng trồng phù hợp theo các nguyên tắc và tiêu chí FSC ít nhất là 5 năm; Tham gia sinh hoạt trong tổ chức và đóng Hội phí;	Diện tích rừng tối thiểu là 0,8ha; Tham gia trên tinh thần tự nguyện và có Đơn xin tham gia Phải thực hiện và chứng minh có khả năng duy trì quản lý rừng trồng đáp ứng yêu cầu của chứng chỉ nhóm và tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng (FSC); Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí FSC; Hiểu rõ và tán thành Điều lệ Hội; Tham gia sinh hoạt trong tổ chức và đóng Hội phí;

Chỉ tiêu	Nhóm hộ trồng rừng không FSC	Nhóm hộ trồng rừng FSC	
		Dự án WB3	WWF
	Phú Thọ	Quảng Nam, Bình Định	Quảng Trị
Quyền lợi của các thành viên	<p>Diện tích được phân công bằng dựa trên sự thỏa thuận giữa các thành viên;</p> <p>Tự chủ đầu tư trên diện tích rừng do mình quản lý;</p> <p>Được hưởng 100% lợi ích thu được từ diện tích rừng do mình quản lý.</p>	<p>Được tiếp cận kỹ thuật và phương thức kinh doanh rừng trồng hiệu quả qua các lớp tập huấn kỹ thuật hàng năm của dự án WB3;</p> <p>Được tự chủ đầu tư kinh doanh rừng trồng, lựa chọn hình thức bán rừng, khách hàng;</p> <p>Cơ hội bán rừng và gỗ FSC cao hơn từ 15 - 20% so với giá gỗ không FSC trên thị trường;</p> <p>Được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ kinh doanh rừng trồng FSC;</p> <p>Được vay vốn của dự án WB3 với mức từ 15 - 25 triệu đồng/ha, lãi suất vay ưu đãi tương đương vay diện hộ nghèo, chu kỳ vay 7 năm và được phép kéo dài đến 14 năm.</p>	<p>Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;</p> <p>Có cơ hội tiếp cận với thị trường gỗ và lâm sản có giá trị sản phẩm cao hơn so với gỗ thông thường;</p> <p>Được Hội thuê đơn vị tư vấn đánh giá và duy trì chứng chỉ FSC;</p> <p>Được tập huấn kỹ thuật về QLRBV, cập nhật thông tin thị trường, thông tin chính sách về tình hình sản xuất gỗ FSC trong và ngoài nước;</p> <p>Giai đoạn hiện nay, các hội viên hỗ trợ vay vốn lãi suất thấp hơn ít nhất 2% so với lãi suất ngân hàng cùng thời điểm; Đảm bảo đầu ra sau khai thác;</p>
Trách nhiệm của các thành viên	<p>Các thành viên hỗ trợ lẫn nhau trong trồng, bảo vệ và khai thác rừng;</p> <p>Một số thành viên thống nhất khai thác cùng một thời điểm để giảm chi phí làm đường vận xuất vận chuyển;</p>	<p>Tuyệt đối tuân thủ việc trồng rừng theo chứng chỉ FSC.</p> <p>Chịu sự kiểm tra hàng năm của nhóm trưởng nhóm hộ hoặc nhóm trưởng cấp xã.</p> <p>Phải tham gia sinh hoạt và đóng góp lệ phí theo quy định của nhóm;</p>	<p>Nghiêm chỉnh chấp hành quy định pháp luật, chấp hành Điều lệ, quy định của Hội;</p> <p>Phải tham gia sinh hoạt và đóng góp lệ phí theo quy định của nhóm;</p>

(Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát, 2016)

### 3.1.3 Hiệu quả kinh tế của các mô hình liên kết nhóm hộ

Hiệu quả kinh tế của các mô hình liên kết nhóm hộ tại các tỉnh điều tra được thể hiện ở bảng 3 cho thấy: các mô hình trồng rừng này đều mang lại hiệu quả kinh tế cao với NPV > 0, BCR > 1 và IRR > lãi suất hiện tại (r = 7%). Tuy nhiên, ta thấy có sự khác nhau giữa các mô hình này:

- Loại mô hình trồng rừng có FSC mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với mô hình trồng rừng không có FSC, điển hình cùng là mô hình

trồng rừng chu kỳ 7 năm, nhưng hiệu quả kinh tế của nhóm hộ trồng rừng ở tỉnh Bình Định có NPV = 27,51 triệu, BCR = 2,28 cao hơn NPV và BCR trong mô hình nhóm hộ của Phú Thọ.

- Chu kỳ kinh doanh gỗ dài hơn sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn ví dụ như cùng là trồng rừng gỗ FSC, mô hình trồng rừng keo lai 10 năm ở Quảng Trị cho cung cấp gỗ xẻ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn mô hình trồng rừng keo lai 7 năm của Bình Định với NPV = 87,32 triệu đồng và BCR= 4,48, đồng thời đây cũng là mô hình có hiệu quả kinh tế nhất.

**Bảng 3.** Hiệu quả kinh tế cho 1 ha của các mô hình liên kết theo nhóm hộ trồng rừng

Tỉnh	Loài cây	Chu kỳ	Loại gỗ	Thu nhập (Tr. đ)	Chi phí (Tr. đ)	Lợi nhuận (Tr. đ)	NPV (Tr. đ)	BCR	IRR (%)
Phú Thọ	Keo tai tượng	7	Không FSC	74,66	23,03	51,63	18,88	1,97	24,55
Quảng Trị	Keo lai	10	Có FSC	201,40	27,73	173,67	87,32	4,48	31,67
Quảng Nam	Keo lai	6	Có FSC	62,87	18,80	44,07	25,79	2,60	35,24
Bình Định	Keo lai	7	Có FSC	84,28	25,59	58,69	27,51	2,28	23,33

(Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát, 2016).

### 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình liên kết theo nhóm hộ trồng rừng

Các mô hình liên kết hình thành và phát triển chịu sự tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài của mô hình. Những nhân tố bên trong chính là những nhân tố nội tại hình thành từ chính môi liên kết đó, được gộp thành 04 nhóm nhân tố: (1) Đặc điểm của chủ thể tham gia liên kết; (2) Đặc điểm của sản phẩm liên kết; (3) Cơ chế gắn kết; và (4) Nguyên tắc phân chia lợi ích trong nội bộ liên kết. Những nhân tố bên ngoài là những tác động từ các hoạt động bên ngoài ảnh hưởng đến mô hình liên kết, gồm: (1) Tác động của thị trường; (2) Tác động

của chính sách; (3) Vai trò của chính quyền địa phương; (4) Vai trò của các tổ chức xã hội... Nghiên cứu đã lựa chọn phân tích 09 nhân tố bên trong và 09 nhân tố bên ngoài để đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự hình thành và phát triển nhóm hộ dựa trên thang điểm đánh giá từ 1 - 5 tương ứng với các mức độ: 1 = rất không đồng ý; 2 = không đồng ý; 3 = lưỡng lự; 4 = đồng ý; và 5 = rất đồng ý.

#### 3.2.1. Các nhân tố bên trong

Kết quả đánh giá các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến mô hình liên kết nhóm hộ trồng rừng được thể hiện trong bảng 4.

**Bảng 4.** Các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến mô hình liên kết nhóm hộ trồng rừng

Chỉ tiêu	Tỷ trọng % đánh giá theo thang điểm				
	1	2	3	4	5
1) Đặc điểm của HGD					
- Nhiều diện tích trồng rừng	-	-	2,50	81,67	15,83
- Điều kiện vận xuất vận chuyển khó khăn	-	8,33	22,50	62,50	6,67
- Thiếu lao động trồng rừng	-	-	13,33	79,17	7,50
- Thiếu kinh nghiệm, kỹ thuật trồng và phát triển rừng	-	-	25,00	70,83	4,17
2) Đặc điểm của sản phẩm					
- Sản phẩm gỗ có yêu cầu cao về mặt kỹ thuật	-	-	25,00	66,67	8,33
3) Cơ chế liên kết					
- Có hợp đồng liên kết chặt chẽ	-	-	15,83	80,83	3,33
- Có nội quy, quy chế hoạt động nhóm	-	-	4,17	83,33	12,50
- Quyền lợi/ngĩa vụ của các thành viên là bình đẳng	-	-	-	89,17	10,83
4) Cơ chế phân chia lợi ích trong nhóm					
- Phân chia lợi ích trong nhóm là công bằng	-	-	-	91,67	8,33

(Nguồn: xử lý kết quả điều tra đề tài, 2016).

Trong bảng 4 có thể nhận thấy rằng, diện tích đất lâm nghiệp khá lớn và thiếu lao động trong trồng rừng là những nhân tố quan trọng cho việc hình thành liên kết nhóm hộ với tỷ lệ số ý kiến đồng ý và rất đồng ý chiếm trên 86%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực trạng phân tích bên trên của các HGD. Diện tích đất lâm nghiệp bình quân của các HGD khá cao, từ khoảng 4 - 8 ha, trong khi đó lao động chính bình quân chỉ khoảng 2 người/hộ. Do đó, để đảm bảo tính thời vụ trong sản xuất, các HGD đã liên kết với nhau, hỗ trợ nhau trong trồng rừng (đổi công cho nhau), cùng nhau bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, điều kiện vận xuất, vận chuyển khó khăn cũng dẫn đến việc hình thành liên kết nhóm hộ nhằm hỗ trợ nhau khai thác rừng, chia sẻ chi phí làm đường vận xuất gỗ như các nhóm hộ tại Phú Thọ. Việc thiếu kinh nghiệm và kỹ thuật cho trồng rừng cũng thúc đẩy các HGD ở Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định cùng nhau tạo dựng liên kết để nhận được hỗ trợ, tập huấn kỹ thuật.

Phân tích thực trạng cũng cho thấy có sự khác nhau trong đặc điểm sản phẩm của nhóm hộ tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định với nhóm hộ ở tỉnh Phú Thọ. Trong khi các sản phẩm gỗ FSC tạo ra từ các mô hình trồng rừng của các nhóm hộ tại Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt về mặt quy trình kỹ thuật và chi phí cho việc cấp chứng chỉ này khá cao. Vì vậy, sản phẩm gỗ có yêu cầu cao về mặt kỹ thuật cũng là nhân tố thúc đẩy hình thành lên nhóm hộ. Các nhóm hộ này càng phát triển về quy mô diện tích tham gia thì chi phí bình quân dịch vụ đánh giá cấp chứng chỉ FSC phân bổ cho mỗi hecta là càng nhỏ.

Để duy trì và phát triển nhóm hộ, các HGD đều cho rằng phải có một cơ chế liên kết hợp lý và việc phân chia lợi ích trong nhóm phải đảm bảo sự công bằng. Trong cơ chế liên kết, các ý kiến đều cho rằng phải có hợp đồng liên kết chặt chẽ (với trên 84% ý kiến đồng ý và rất đồng ý); phải có nội quy, quy chế hoạt động nhóm (chiếm trên 95% ý kiến đồng ý và rất

đồng ý); quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên trong nhóm phải bình đẳng (với 100% ý kiến đồng ý và rất đồng ý). Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến lưỡng lự. Họ cho rằng, liên kết nhóm không nhất thiết phải có hợp đồng liên kết, các thành viên chỉ cần thống nhất thỏa thuận và thể hiện trách nhiệm của mình mà không cần phải xây dựng các nội quy, quy chế với sự giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước. Quan điểm này có thể phù hợp với những nhóm hộ có quy mô nhỏ, yêu cầu thấp về mặt kỹ thuật đối với sản phẩm gỗ rừng trồng. Song nếu ở một quy mô lớn hơn về số lượng thành viên và diện tích rừng tham gia, tiêu chuẩn kỹ thuật phức tạp hơn thì một cơ chế liên kết rõ ràng, chặt chẽ, nội quy hoạt động cụ thể là yêu cầu cần thiết để đảm bảo được quyền lợi, nghĩa vụ của các thành viên.

Bên cạnh đó, 100% ý kiến đánh giá đồng ý và rất đồng ý cho rằng để duy trì và phát triển nhóm hộ cần phải có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý. Điều này hoàn toàn đúng, bởi lẽ nếu không có cơ chế phân chia lợi ích công bằng sẽ dẫn đến sự tranh chấp giữa các thành viên trong nhóm, dẫn đến phá vỡ liên kết. Kết quả phỏng vấn các HGD đều cho thấy rằng, việc phân chia lợi ích giữa các HGD trong nhóm hộ hiện nay là bình đẳng vì các hộ tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tự đầu tư và hưởng lợi trên diện tích đất rừng của mình. Chính sự công bằng, bình đẳng, tự do, tự nguyện đã duy trì hoạt động của các nhóm hộ đến thời điểm hiện nay.

### 3.2.2. Các nhân tố bên ngoài

Ngoài những động lực bên trong để hỗ trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất và tạo vùng nguyên liệu rộng lớn thì các nhóm hộ hiện nay có thể tồn tại, phát triển được hay không chịu tác động rất lớn từ các nhân tố bên ngoài, như: (1) Yêu cầu của thị trường; (2) Tác động của chính sách; (3) Vai trò của chính quyền địa phương; và (4) Vai trò của các tổ chức xã hội. Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến nhóm hộ trồng rừng được thể hiện cụ thể bảng 5.



**Bảng 5.** Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến mô hình liên kết nhóm hộ trồng rừng

Chỉ tiêu	Tỷ trọng % đánh giá theo thang điểm				
	1	2	3	4	5
1) Tác động của thị trường					
- Thị trường yêu cầu gỗ có FSC	-	-	25,00	68,33	6,67
- Giá gỗ FSC cao hơn giá thị trường	-	-	25,00	70,00	5,00
2) Tác động của chính sách					
- Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển liên kết theo nhóm hộ	-	45,83	49,17	5,00	-
3) Vai trò của chính quyền địa phương					
- Chính quyền địa phương các cấp rất ủng hộ hoạt động liên kết	-	-	15,00	75,83	9,17
- Chính quyền địa phương rất tích cực tuyên truyền vận động nông dân tham gia liên kết	-	-	23,33	75,00	1,67
- Chính quyền địa phương thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động liên kết	-	7,50	51,67	40,83	-
- Chính quyền địa phương xử lý, kịp thời những vi phạm giữa các bên	-	-	60,83	39,17	-
4) Vai trò của các tổ chức xã hội					
- Tích cực tuyên truyền khuyến khích phát triển liên kết	0	0	25,00	67,50	7,50
- Tích cực hỗ trợ phát triển hoạt động của liên kết	0	0	25,00	65,83	9,17

(Nguồn: xử lý kết quả điều tra đề tài, 2016).

Có thể thấy sự tác động của thị trường và vai trò của các tổ chức xã hội đã ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển các mô hình liên kết này. Trên 75% các ý kiến đánh giá đồng ý và rất đồng ý cho rằng, do yêu cầu của thị trường gỗ cần có chứng chỉ FSC; đặc biệt giá gỗ FSC cao hơn giá thị trường (khoảng từ 15 - 20%) là động lực thúc đẩy việc hình thành các nhóm hộ. Đồng thời với sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội thông qua các chương trình dự án như các nhóm hộ ở Quảng Trị, Quảng Nam và Bình Định do tổ chức WWF, dự án WB3. Các tổ chức này có vai trò quan trọng trong việc tập huấn kỹ thuật cũng như cung cấp nguồn tài chính hỗ trợ cho trồng rừng và chi phí dịch vụ đánh giá và cấp chứng chỉ rừng. Tuy nhiên, vai trò của các tổ chức xã hội khác như Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội

Cụ chiến binh trong tuyên truyền, hỗ trợ thúc đẩy phát triển các mô hình liên kết nhóm hộ là tương đối mờ nhạt.

Các chính sách của nhà nước có vai trò quan trọng trong việc khuyến khích, hỗ trợ phát triển việc hình thành nhóm hộ. Nhà nước đã ban hành một số chính sách như Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về quy định tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác; Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/07/2013 của Bộ NN&PTNT về Phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp”; Kế hoạch 1391/KH-BNN-TCLN ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp giai đoạn 2014 - 2020... trong đó có nhấn mạnh đến việc phát triển mô hình liên kết tổ hợp tác và hỗ trợ phát

triển tổ hợp tác. Tuy nhiên, kết quả đánh giá cho thấy, tác động của các chính sách này đến người dân chưa nhiều. Người dân vẫn chưa biết đến chính sách, chưa nhận được các hỗ trợ từ các chính sách này. Chính vì vậy, tỷ lệ HGD đánh giá tác động tích cực của chính sách đến việc hình thành và phát triển nhóm hộ đạt tỷ lệ khá thấp, chỉ khoảng 5%.

Bên cạnh đó, vai trò của chính quyền địa phương vẫn chưa thật sự sâu sát. Các hoạt động của chính quyền địa phương mới chủ yếu dừng ở hoạt động ủng hộ liên kết (chiếm 85% ý kiến đồng ý và rất đồng ý), hoạt động tuyên truyền chủ yếu được thực hiện ở các tỉnh thực hiện nhóm chứng chỉ rừng FSC, còn lại các hoạt động khác như kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa được quan tâm nhiều. Điều này sẽ dẫn đến việc hình thành và phát triển các mô hình nhóm hộ/tổ hợp tác sẽ không đạt được mục tiêu của chính sách đã đề ra.

Qua đây, có thể thấy rằng, để các mô hình nhóm hộ này có thể tồn tại và phát triển được, trước hết cần có hệ thống chính sách đồng bộ, sự quan tâm và vào cuộc của chính quyền địa phương, của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước để định hướng cho sự phát triển của nhóm hộ phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Tuy nhiên, các nhóm hộ cũng không thể bị động và phụ thuộc quá nhiều vào đầu tư hỗ trợ từ bên ngoài mà bản thân các nhóm hộ phải chủ động và phát huy tối đa các tiềm lực của mình để tồn tại và phát triển. Chính vì vậy, các thành viên phải nhận thức rõ được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia nhóm hộ, phải xây dựng được mối liên kết trong nhóm hộ thông qua những ràng buộc chặt chẽ (quy chế của nhóm); huy động và quản lý quỹ hoạt động của nhóm một cách hiệu quả. Chỉ khi làm được những điều đó, các nhóm hộ mới có thể duy trì và phát triển khi các dự án hỗ trợ kết thúc.

### **3.3. Một số giải pháp hoàn thiện, thúc đẩy mô hình liên kết theo nhóm hộ trồng rừng**

#### ***3.3.1. Giải pháp thu hút sự tham gia của các tác nhân khác vào các mối liên kết nhóm hộ trên một phạm vi địa lý hay trong một chuỗi sản phẩm***

Quá trình liên kết giữa các nhóm hộ trồng rừng để phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô lớn hơn sẽ diễn ra không chỉ giữa các hộ cùng sản xuất một sản phẩm nào đó, mà đòi hỏi có sự tham gia của các tác nhân khác như các tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với các hộ, các cơ quan chính quyền và các tổ chức đoàn thể, quần chúng hoạt động trên địa bàn... Mỗi tác nhân này có vai trò khác nhau trong tổng thể mối liên kết của kinh tế hộ với nhau, trong đó có tác nhân quan hệ với nhóm hộ như các tổ chức chế biến lâm sản, thương mại, cung ứng vật tư đầu vào nhằm đưa sản phẩm của nhóm hộ trở thành dòng hàng hóa theo chuỗi giá trị và các tác nhân chỉ hỗ trợ, giúp đỡ, thúc đẩy như các tổ chức quần chúng, đoàn thể... nhưng có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của nhóm hộ như đã được phân tích ở trên.

Vì lẽ đó, cần thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức này với vai trò "đối tác trong kinh doanh"; và hỗ trợ giúp đỡ hình thành, phát triển các nhóm hộ trồng rừng. Song, sự tham gia này phải đáp ứng nhu cầu của chính các nhóm hộ, không mang tính can thiệp hành chính và áp đặt những ý muốn chủ quan vào hoạt động của các nhóm hộ.

#### ***3.3.2. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền để các hộ gia đình cũng như các thành phần kinh tế khác nhận thức đầy đủ và đúng về vai trò, ý nghĩa của việc liên kết nhóm hộ***

- Chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội dân sự cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền để người dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế hợp tác, phát triển các tổ hợp tác/nhóm hộ, để

người dân hiểu rõ hơn vai trò, ý nghĩa của việc tham gia liên kết nhất là trong bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa như hiện nay.

- Trong công tác tuyên truyền, vấn đề quan trọng nhất là làm cho người dân hiểu rõ được bản chất cũng như sự khác nhau giữa các hình thức hợp tác mới với các kiểu hợp tác cũ trước kia để người dân có hướng chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất phù hợp.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức nước ngoài, các tổ chức chính trị - xã hội, các loại hình kinh tế khác xem nhóm hộ như một đối tác và hỗ trợ cho các nhóm hộ phát triển.

- Lựa chọn một số mô hình nhóm hộ trồng rừng điển hình, sản xuất có hiệu quả trên địa bàn để tuyên truyền, nhân rộng mô hình.

### **3.3.3. Hoàn thiện cơ chế chính sách của nhà nước về nhóm hộ/tổ hợp tác**

- Trong việc xây dựng chính sách cần đưa nhóm hộ vào như một chủ thể kinh tế tương đương với tổ hợp tác hoặc quy định nhóm hộ là cách gọi khác của tổ hợp tác để khẳng định được tư cách pháp nhân của nhóm hộ. Từ đó, xây dựng các văn bản hướng dẫn cụ thể về việc đăng ký hoạt động của các nhóm hộ với UBND xã.

- Nhà nước phải chủ động tạo ra môi trường thuận lợi cho sự hình thành và hoạt động của các nhóm hộ. Theo đó, nhà nước phải tạo lập khung pháp luật và triển khai các chương trình hỗ trợ nhóm hộ phát triển trên cơ sở pháp luật, cụ thể là hướng dẫn, đào tạo, khuyến khích, hỗ trợ cho các nhóm hộ phát triển như: Xây dựng định hướng phát triển các nhóm hộ ở từng vùng, địa phương; Xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất chuyên môn hóa và hướng dẫn thị trường tiêu thụ cho từng loại hàng hóa; Hỗ trợ tài chính cho thành viên tham gia nhóm hộ bằng chính sách cho vay ưu đãi; Hỗ trợ khoa học kỹ thuật và quản lý thị trường tiêu thụ nông lâm sản; Thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện liên kết với các nhóm hộ (điển hình như

liên kết giữa Công ty Cổ phần Thương mại Quảng Trị với Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Quảng Trị) và triển khai các hỗ trợ tài chính, tín dụng, phát triển công nghiệp chế biến và tiêu thụ lâm sản; Triển khai các chương trình đào tạo về kỹ thuật cũng như quản lý cho trưởng nhóm và các thành viên tham gia nhóm hộ trồng rừng.

- Phân cấp và giao trách nhiệm cho các cơ quan chức năng theo dõi, quản lý, kiểm tra, đôn đốc, và báo cáo tình hình hoạt động của các nhóm hộ.

### **3.3.4. Giải pháp nâng cao năng lực tổ chức, quản lý và mở rộng hoạt động của các nhóm hộ trồng rừng**

- Các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế hợp tác cũng như chính quyền địa phương cần triển khai các hoạt động tập huấn nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, sinh hoạt nội bộ để không ngừng gia tăng sự gắn kết giữa các thành viên, gia tăng năng lực hợp tác cho tổ viên trong hoạt động của nhóm thông qua các sinh hoạt như: bàn bạc phương thức phát triển sản xuất chung; phân phối hợp lý lợi ích tạo ra; cùng bàn bạc tập thể để ra quyết định tăng quy mô sản xuất theo tín hiệu thị trường, từ đó tạo dựng các nguyên tắc sinh hoạt và cơ chế ra quyết định tập thể ngày càng chuẩn mực.

- Hướng dẫn các nhóm xây dựng quy chế hợp nhóm và chế độ xử lý những tranh chấp và thưởng phạt trong nội bộ nhóm.

## **IV. KẾT LUẬN**

Các mô hình liên kết nhóm hộ trồng rừng đều dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác và tinh thần chia sẻ thành công cũng như rủi ro trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Đây là điều kiện cần thiết để có thể hình thành các tổ chức hợp tác đích thực và bền vững.

Sự hình thành và phát triển các nhóm hộ là không đơn giản, mà chịu sự tác động của rất nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài khác

nhau. Trong đó, nhóm nhân tố bên trong là quan trọng nhất tạo ra nền tảng vững chắc hình thành cơ chế liên kết và cơ chế phân phối lợi ích trong mô hình liên kết. Họ phải thấy được rằng khi tham gia vào mô hình liên kết sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn, quyền lợi và nghĩa vụ trong nhóm là bình đẳng, phân phối lợi ích là công bằng mới tạo động lực để gắn kết, duy trì và phát triển nhóm hộ. Đối với nhóm nhân tố bên ngoài, nhân tố quan trọng nhất là thị trường, vai trò của chính quyền địa phương và chính sách. Để các mô hình liên kết nhóm hộ

vận hành và phát triển được trong tương lai cần có các chính sách đồng bộ nhằm thu hút sự tham gia, vào cuộc của tất cả các tác nhân như các doanh nghiệp chế biến, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội trong việc đầu tư, hỗ trợ phát triển liên kết, nâng cao năng lực quản lý và vận hành trong nội bộ liên kết nhóm hộ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương, 2002. Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
2. Cục Kinh tế Hợp tác, 2014. Quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT ngày 10 tháng 4 năm 2014 về phê duyệt kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.
3. Chính phủ, 2007. Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 về quy định tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;
4. Tổng cục Lâm nghiệp, 2013. Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/07/2013 về Phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp”.
5. Tổng cục Lâm nghiệp, 2014. Kế hoạch 1391/KH - BNN-TCLN ngày 29 tháng 4 năm 2014 về Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp giai đoạn 2014 - 2020.
6. Hoàng Liên Sơn, 2016. Nghiên cứu mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gỗ và sản phẩm gỗ rừng trồng. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.
7. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, 2009. Báo cáo điều tra hiện trạng các tổ hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Hà Nội.

Email của tác giả chính: [hkson2000fsiv@gmail.com](mailto:hkson2000fsiv@gmail.com)

**Ngày nhận bài:** 12/04/2017

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:** 16/04/2017

**Ngày duyệt đăng:** 20/04/2017